

Số: /BC-THCS.NL

Mường Khương, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Năm Lư.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Thôn Pác Ngam, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Điện thoại:

Website: <http://www.ptdtbtthcsnamlu.muongkhuong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mường Khương.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT THCS Năm Lư là trung tâm Văn hóa - Giáo dục của địa phương; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại; có môi trường giáo dục thân thiện, an toàn; có chất lượng giáo dục thực chất; nơi học sinh được khám phá tri thức, nuôi dưỡng, thực hiện những ước mơ, hoài bão để trở thành những người có ích cho xã hội.

b. Sứ mệnh:

Phát huy được tinh thần đoàn kết, tích cực, sáng tạo, công bằng trong nhà trường.

Học sinh được giáo dục toàn diện về phẩm chất và năng lực; được trao cơ hội để tự khẳng định và phát triển bản thân; được rèn luyện để trở thành những người tử tế.

c. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

- | | |
|----------------|-------------------------|
| - Trách nhiệm. | - Ước mơ – Hoài bão. |
| - Trung thực. | - Đoàn Kết – Hợp tác. |
| - Nhân ái. | - Năng động - Sáng tạo. |

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành

Trường PTDTBT THCS Nậm Lư tiền thân là trường PTCS Nậm Lư được thành lập vào năm 1998 đặt tại thôn Pác Ngam, xã Nậm Lư, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; năm 2003 trường được tách riêng thành trường THCS Nậm Lư; tháng 9 năm 2012 trường được chuyển đổi mô hình và đổi tên thành trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Lư.

- Quá trình phát triển

Trải qua 26 năm xây dựng và trưởng thành trường PTDTBT THCS Nậm Lư đã không ngừng phát triển và đạt được nhiều thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo.

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì ổn định, đáp ứng được yêu cầu chương trình GDPT 2018. Hằng năm, học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS đạt 100%, tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt từ 99% trở lên, số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp huyện có sự chuyển biến tích cực. Học sinh ngoài việc học tập, còn được tham gia vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, thể dục thể thao, hoạt động ngoại khoá như: Thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng; trồng và chăm sóc rau, hoa tại vườn trường; được tham gia chơi các trò chơi dân gian; tham gia các câu lạc bộ thể thao, âm nhạc, tham gia các hoạt động giữ gìn bản sắc dân tộc... Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia và đạt giải các cuộc thi do Phòng GD&ĐT tổ chức; kết quả rèn luyện và học tập của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực.

Cùng với sự phát triển chung của đất nước, sự đòi hỏi ngày càng cao của toàn xã hội, trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn thực hiện đúng đường lối, mục tiêu, nguyên tắc giáo dục của Đảng, Nhà nước; xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương.

Các thể hệ giáo viên của trường luôn phát huy vai trò, trách nhiệm, không ngừng tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng, được sửa chữa tu bổ hằng năm, đảm bảo có đủ phòng học, phòng học bộ môn, các công trình phụ trợ, các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt việc đổi mới công tác quản lý, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học bám sát các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường. CBGV, NV trong trường thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và các phong trào thi đua do các ngành, các cấp phát động.

100% cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên, có giáo viên dạy các môn chuyên biệt (Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục, Tin học và Tiếng Anh). Đội ngũ CBGV, NV luôn nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục học sinh. Nhiều giáo viên trong trường được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh và được các

cấp khen thưởng, tặng các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”.

Năm học 2024-2025, nhà trường có 08 lớp học từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 với tổng số 310 học sinh; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có 23 người, trong đó có 03 cán bộ quản lý, 16 giáo viên và 04 nhân viên, 100% cán bộ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường cơ bản đảm bảo, đáp ứng nhu cầu dạy, học và mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể trong xã, ban đại diện cha mẹ học sinh. Tập thể CBGV, NV nhà trường luôn đoàn kết, vượt mọi khó khăn, quyết tâm phấn đấu xây dựng phong trào giáo dục ngày càng phát triển vững mạnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Ngô Ngọc Bẩy Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Pạc Ngam, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Số điện thoại: 0822725686.

Email: thcsnamlu-mk@laocai.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.

Trường PTDTBT THCS Năm Lư tiền thân là trường THCS Năm Lư, được thành lập năm 1998; năm 2003 trường được tách ra với tên gọi là trường THCS Năm Lư theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 21/8/2003 của UBND huyện Mường Khương; năm 2012 trường được chuyển đổi mô hình và đổi tên thành trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Năm Lư theo Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND huyện Mường Khương.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường, trường PTDTBT THCS Năm Lư được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-PGD&ĐT ngày 05 tháng 10 năm 2018 và được kiện toàn theo các quyết định: Quyết định số 293/QĐ-PGD&ĐT ngày 14/10/2019 của Phòng GD&ĐT; quyết định số 4703/QĐ-UBND, ngày 02/12/2021 của UBND huyện Mường Khương, quyết định 5546/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND huyện Mường Khương.

Danh sách Hội đồng trường theo quyết định 5546/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND huyện Mường Khương:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ	Ghi chú
1	Ngô Ngọc Bẩy	Hiệu trưởng	Trường PTDTBT THCS Năm Lư	Chủ tịch HĐ	

2	Vương Văn Minh	Phó Hiệu trưởng	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Phó Chủ tịch	
3	Dương Thị Hồng	Giáo viên	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thư ký	
4	Lục Xuân Tuệ	Phó chủ tịch UBND xã	UBND xã Nám Lư	Thành viên	
5	Trương Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TTCM XH	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	
7	Vương Thị Lương	TTCM TN	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	
8	Thào Thị Hoa	TT Tổ Văn phòng	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	
9	Tráng Sử Huy	TPT Đội	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	
10	Vàng Văn Chiến	Hội trưởng Hội PH	Hội PHHS	Thành viên	
11	Nùng Văn Nghiệp	Học sinh 8B	Trường PTDTBT THCS Nám Lư	Thành viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Hiệu trưởng Ngô Ngọc Bẩy được Chủ tịch UBND huyện Mường Khương bổ nhiệm tại quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 29/10/2021.

- Quyết định bổ nhiệm điều động phó Hiệu trưởng:

+ Phó hiệu trưởng Trương Thị Thanh Mai được Chủ tịch UBND Huyện Mường Khương bổ nhiệm tại Quyết định số 4185/QĐ-UBND ngày 29/10/2021.

+ Phó hiệu trưởng Vương Văn Minh được Chủ tịch UBND Huyện Mường Khương bổ nhiệm tại Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 05/9/2023.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục, cơ chế hoạt động của trường PTDTBT THCS Nám Lư.

- Hoạt động của nhà trường:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với nhân viên sau khi có phê duyệt của các

cơ quan có thẩm quyền; Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh; Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường:

Trường PTDTBT THCS Nấm Lư được thành lập theo Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 20/7/2012 của UBND huyện Mường Khương thuộc địa bàn xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên trục đường tỉnh lộ, giao thông thuận tiện.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Điều lệ trường THCS.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 15 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 6 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Ngô Ngọc Bấy	Hiệu trưởng	0822725686	ngobaymk@gmail.com
2	Vương Văn Minh	Phó Hiệu trưởng	0942728381	minhthcslst@gmail.com
3	Trương Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng	0869266566	thanhmaimk@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Pạc Ngam, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển: Chiến lược phát triển nhà trường được ban hành tại Kế hoạch số 124/KH-THCSNL ngày 06 tháng 9 năm 2024 về Kế hoạch phát triển giáo dục năm 2025 và giai đoạn 2025-2030.

- Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định số 05/QĐ-THCSNL ngày 15/01/2024 về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trường PTDTBT THCS Nậm Lư năm 2024; Quyết định số 213/QĐ-THCSNL ngày 04/10/2025 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định số 209/QĐ-THCS ngày 02/10/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

a) Số lượng giáo viên, CBQL, NV chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc được giao theo QĐ	Số người làm việc hiện có			
			Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Hợp đồng CMNV	Hợp đồng hỗ trợ phục vụ
I	Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý					
1	Hiệu trưởng	1	1	1		
2	Phó Hiệu trưởng	2	2	2		
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành					
1	GV THCS hạng I					
2	GV THCS hạng II	7	7	7		

3	GV THCS hạng III	9	9	8	1	
4	Thiết bị thí nghiệm	0	0	0		
5	Giáo vụ	0	0	0		
6	Tư vấn học sinh	0	0	0		
7	Hỗ trợ giáo dục KT	0	0	0		
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung					
1	Thư viện	0	0	0		
2	Kế toán	1	1	1		
3	Văn thư	1	1	1		
4	Thủ quỹ	0	0	0		
5	Y tế học đường	0	0	0		
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ					
1	NV Bảo vệ	1	1			1
2	NV cấp dưỡng					

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định
100% CBQL, GV có trình độ đào tạo đại học, đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX theo quy định.
Năm học 2024-2025: 19/19 CBQLGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	12.361/310 HS	12.361/310 HS
2	Diện tích sàn/người học (m2)	864m2/310 HS	864m2/299 HS

2. Số lượng hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật, đối chiếu so sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Số liệu	Năm học trước liền kề	Năm học thực hiện	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	12	12	
1	Phòng học	8	8	
a	Phòng kiên cố	8	8	

b	Phòng bán kiên cố	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	
2	Phòng học bộ môn	4	4	
a	Phòng kiên cố	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	
3	Khối phục vụ học tập (Phòng TB, TV, Truyền thông, Đội)	4	4	
a	Phòng kiên cố	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	1	1	
c	Phòng tạm	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị (Phòng HT, PHT, BV)	3	3	
1	Phòng kiên cố	3	3	
2	Phòng bán kiên cố			
III	Thư viện	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác khác (YT, TCM, Kho)	4	4	
V	Khối phụ trợ			
	+ Nhà để xe (GV, HS)	2	2	
	+ Sân chơi, bãi tập	1	1	
	+ Nhà vệ sinh	3	3	
IV	Khối công trình khác	20	20	
	Nhà ở học sinh bán trú (phòng)	1	1	
	Nhà ăn	1	1	
	Bếp nấu			
Cộng				

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Số thiết bị dạy học: 01 bộ/lớp. Đáp ứng nhu cầu dạy học (Có danh mục cụ thể kèm theo)

4. Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo

TT	Danh mục SGK			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Ngữ văn 6/1 (Kết nối)	Ngữ văn 7/1 (Kết nối)	Ngữ văn 8/1 (Kết nối)	Ngữ văn 9/1 (Kết nối)
2	Ngữ văn 6/2 (Kết nối)	Ngữ văn 7/2 (Kết nối)	Ngữ văn 8/2 (Kết nối)	Ngữ văn 9/2 (Kết nối)
3	Toán 6/1 (Kết nối)	Toán 7/1 (Kết nối)	Toán 8/1 (Kết nối)	Toán 9/1 (Kết nối)

4	Toán 6/2 (Kết nối)	Toán 7/2 (Kết nối)	Toán 8/2 (Kết nối)	Toán 9/2 (Kết nối)
5	Tiếng Anh 6/1 (Kết nối)	Tiếng Anh 7 (Kết nối)	Tiếng Anh 8 (Kết nối)	Tiếng Anh 9 (Kết nối)
6	Tiếng Anh 6/2 (Kết nối)	Giáo dục công dân 7 (Kết nối)	Giáo dục công dân 8 (Kết nối)	Giáo dục công dân 9 (Kết nối)
7	Giáo dục công dân 6 (Kết nối)	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời)	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối)	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời)
8	Khoa học tự nhiên 6 (Chân trời)	Lịch sử & địa lí 7(Kết nối)	Lịch sử & địa lí 8(Kết nối)	Lịch sử & địa lí 9 (Kết nối)
9	Lịch sử & địa lí 6 (Kết nối)	Tin học 7 (Kết nối)	Tin học 8 (Kết nối)	Tin học 9 (Kết nối)
10	Tin học 6 (Kết nối)	Công nghệ 7 (Kết nối)	Công nghệ 8 (Kết nối)	Công nghệ 9 (Kết nối)
11	Công nghệ 6 (Kết nối)	Âm nhạc 7 (Kết nối)	Âm nhạc 8 (Kết nối)	Âm nhạc 9 (Kết nối)
12	Âm nhạc 6 (Kết nối)	Mỹ thuật 7 (Cánh diều)	Mỹ thuật 8 (Cánh diều)	Mỹ thuật 9 (Cánh diều)
13	Mỹ thuật 6 (Cánh diều)	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối)	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối)	Giáo dục thể chất 9 (Kết nối)
14	Giáo dục thể chất 6 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm 7 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm 8 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm 9 (Kết nối)
15	Hoạt động trải nghiệm 6 (Kết nối)			

Số lượng bản sách tham khảo: 1.135 cuốn, trong đó chủ yếu là danh mục sách tham khảo dùng chung và sách tham khảo dành cho các khối lớp từ 6 - 9. (Trong sổ đăng ký cá biệt)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 18 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Năm học 2024-2025 đã được đánh giá đạt Kiểm định chất lượng mức độ 2. và chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công tác số lượng:

a) Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 02 lớp 6 với tổng số học sinh tuyển mới là 86 học sinh.

- Tổng số học sinh trong năm học:

Khối lớp	Số HS	Số lớp	Trong đó
----------	-------	--------	----------

			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	86	2	36	86	0
7	77	2	32	77	3
8	67	2	34	67	2
9	80	2	34	80	2
Tổng	310	8	136	310	07

b) Số học sinh chuyển đến và tiếp nhận học sinh: Đầu năm 315 học sinh:
Số học sinh chuyển đến 0; Số chuyển đi: 01; bỏ học 04.

2. Chất lượng giáo dục:

2.1	Kết quả học tập					
a	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (Kết quả rèn luyện)	310	86	77	67	80
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	201 64,8	64 74,4	41 53,2	46 68,7	50 62,5
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	90 29,0	19 22,1	31 40,3	14 20,9	26 32,5
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 4,2	3 3,5	4 5,2	2 3,0	4 5,0
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 1,9	0 0	1 1,3	5 7,5	0 0
b	Số học sinh chia theo học lực (kết quả học tập)	310	86	77	67	80
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	13 4,2	4 4,7	4 5,2	3 4,5	2 2,9
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	94 30,3	26 30,2	23 29,9	18 26,7	27 39,1
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	193 62,3	54 62,8	45 58,4	43 64,2	51 73,9
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 2,3	2 2,3	2 2,6	3 4,5	0 0
2.2	Tổng hợp kết quả cuối năm	310	86	77	67	80
a	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	309 99,7	86 100	77 100	66 98,5	80 100
+	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
+	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13 4,2	4 4,7	4 5,2	3 4,5	2 2,9
+	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 2,3	2 2,3	2 2,6	3 4,5	0 0
+	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,3	0 0	0 0	1 1,5	0 0
+	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
+	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5 1,6	1 1,2		1 1,5	2 2,4
2.3	HS đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
+	Cấp tỉnh/thành phố					0

+	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
---	--	--	--	--	--	---

3. Công tác phân luồng, hướng nghiệp:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	80				80
II	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	80				80
III	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục (tỷ lệ so với tổng số)	79 98,7%				79 98,7%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính 6 tháng cuối năm 2024, 6 tháng đầu năm 2025.

a. Các khoản thu

Nguồn kinh phí từ NSNN: 10.321.890.242 đồng

Thu các khoản XHH: 42.867.000 đồng

b. Các khoản chi từ Ngân sách nhà nước.

+ Chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản chi khác có tính chất lương: 6.393.952.107 đồng

+ Chi cơ sở vật chất, dịch vụ: 1.621.983.635 đồng

+ Chi hỗ trợ người học bao gồm: Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú theo NĐ116, NĐ 66; Hỗ trợ CPHT cho học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57: 2.146.923.500 đồng

+ Chi khác: 49.781.000 đồng.

+ Chi thưởng: 109.250.000 đồng

2. Các khoản thu và mức thu:

Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Trường PTDTBT THCS Nấm Lư miễn 100% học phí do học sinh có hộ khẩu thường trú ở vùng ĐBKK, Học sinh dân tộc Tù đí và học sinh thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng 3.

Năm học 2024-2025 nhà trường thực hiện thu các khoản xã hội hoá phục vụ trực tiếp cho học sinh theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND tỉnh LC ngày 22/8/2024, cụ thể mức thu:

+ Tiền nước uống: 45.000đồng/hs/ năm

+ Tiền điện, tiền chất đốt (mua ga nấu ăn cho HSBT): 198.000đồng/hs/năm

Tổng kinh phí các khoản XHH thu được: 56.772.000đồng

Tổng kinh phí chi các khoản : 56.772.000đồng; trong đó chi tiền nước uống: 13.905.000 đồng, chi tiền ga nấu ăn cho HSBT: 42.867.000 đồng.

Kinh phí còn dư: 0 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm

Ngay từ đầu năm học nhà trường thực hiện công khai kế hoạch thu chi đầu năm tại đơn vị, thực hiện các bước theo văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về công tác thu, chi, quản lý, sử dụng nguồn xã hội hoá.

Thực hiện chi trả chế độ chính sách cho học sinh kịp thời, đảm bảo chi đúng đối tượng và chi đủ về định mức học sinh được hưởng. Cụ thể:

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP như sau:

Học kỳ 1 năm học 2024-2025:

Miễn học học phí: 310 học sinh

Số học sinh được hỗ trợ CPHT: 306 học sinh, tổng kinh phí: 183.000.000đ

Học kỳ 2 năm học 2024-2025:

Miễn học phí: 310 học sinh

Số học sinh được hỗ trợ CPHT: 304 học sinh, tổng kinh phí: 227.100.000đ

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP như sau:

Học kỳ I năm học 2024-2025 nhà trường lập và duyệt hồ sơ chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho 01 học sinh với tổng kinh phí là: 5.616.000đ.

Học kỳ II năm học 2024-2025 nhà trường lập và duyệt hồ sơ chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho 01 học sinh với tổng kinh phí là: 11.232.000đ

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh theo Thông Tư 42/2013/NĐ-CP như sau:

Học kỳ I năm học 2024-2025 nhà trường lập và duyệt hồ sơ chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho 7 học sinh với tổng kinh phí là: 55.524.000đ.

Học kỳ II năm học 2024-2025 nhà trường lập và duyệt hồ sơ chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho 7 học sinh với tổng kinh phí là: 69.405.000đ

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP như sau:

- Tổng tiền chi trả kỳ 1 năm học 2024-2025 (từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024) là: 904.658.000 đồng; Trong đó gồm:

+ Tiền ăn 211 HSBT: 818.198.000 đồng

+ Tiền y tế cho HSBT: 4.900.000 đồng

+ Tiền mua dụng cụ thể thao cho HSBT: 11.360.000 đồng

+ Tiền cấp dưỡng cho 2 nhân viên nấu ăn: 70.200.000 đồng.

Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP như sau:

- Tổng tiền chi trả kỳ 2 năm học 2024-2025 (từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025) là: 1.224.417.500 đồng; Trong đó gồm:

+ Tiền ăn 217 HSBT: 1.011.504.000 đồng

+ Tiền y tế cho HSBT: 21.701.000 đồng

+ Tiền mua dụng cụ thể thao cho HSBT: 21.500.000 đồng

+ Tiền cấp dưỡng cho 3 nhân viên nấu ăn: 118.462.500 đồng.

+ Tiền giáo viên quản lý bán trú ngoài giờ: 51.250.000 đồng

+ Tiền điện cho HSBT: 34.177.500 đồng (chưa thực hiện do chưa cấp kinh phí).

+ Tiền nước sinh hoạt cho HSBT: 12.505.710 đồng (chưa thực hiện do chưa cấp kinh phí).

*** Đánh giá chung**

Các chế độ chính sách của học sinh trong năm học được nhà trường thực hiện chi trả đầy đủ kịp thời. Hồ sơ chế độ đảm bảo công khai minh bạch, hồ sơ chứng từ được lưu trữ cẩn thận đầy đủ, đúng quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NĂM KHÁC

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành được quy định tại khoản 4 Điều 5 và khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

- Khoản 4, Điều 5: Số dư các quỹ theo quy định (kể cả quỹ đặc thù): Không.

- Khoản 1, Điều 9: Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

+ Tuyển sinh: Nhà trường đã ban hành kế hoạch số 68/KH-THCS ngày 16/5/2024 về kế hoạch tuyển sinh học sinh năm học 2024- 2025. Đã tuyển sinh được $98/98 = 100\%$ (trong đó có 12 học sinh thi đỗ và học tại trường PTDTNT huyện Mường Khương; 86 học sinh học tại trường).

+ Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Xây dựng, triển khai các kế hoạch: Kế hoạch giáo dục nhà trường theo Kế hoạch số 122/KH-THCSNL ngày 29/8/2024; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo kế hoạch số 176/KH-THCSNL ngày 25/9/2024; kế hoạch chỉ đạo chuyên môn theo Kế hoạch số 177/KH-THCSNL ngày 25/9/2024,...

+ Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc giáo dục học sinh: Tổ chức họp phụ huynh đầu năm, thống nhất nội dung phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh; xây dựng được quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an xã, y tế xã trong công tác chăm sóc giáo dục học sinh.

+ Công khai thực đơn ăn hàng ngày của học sinh (*có bảng thực đơn chi tiết, được công khai hàng ngày*).

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường PTDTBT THCS Năm Lư./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- CBGV,NV;
- Website;
- Lưu: VT, Hồ sơ Công khai.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Bấy